TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỐT NỐT** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2017/HNGĐ – ST.
Ngày: 18-12-2017.
V/v: ly hôn giữa chị H và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT - THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mộng Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đông

2. Bà Thái Ánh Trinh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Điêu Khắc Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ.

- ***Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ*** không tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 330/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2017 về việc*"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc H – sinh năm: 1993.

Địa chỉ: số 85 khu vực A, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T – sinh năm: 1987.

Nơi ĐKTT: Ấp D, xã Đ, huyện E, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ nơi làm việc: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ – khu vực Ê, phường G, quận C, thành phố Cần Thơ.

(Tất cả có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/8/2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Ngọc T tự nguyện tiến đến hôn nhân vào tháng 08 năm 2013, hôn nhân có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn

tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Cần Thơ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 61/2014, quyển số 01/2014 ngày 05 tháng 8 năm 2014. Thời gian đầu chung sống gia đình đầm ấm, hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không phù hợp dẫn đến thường bất đồng quan điểm trong công việc làm ăn và chăm sóc con, anh T luôn tỏ thái độ gia trưởng, độc đoán. Thời gian sau khi chị sinh con, anh T lại tỏ thái độ lạnh nhạt, thường bỏ ra ngoài, ít dành thời gian ở nhà và thiếu sự quan tâm, chăm sóc cho gia đình. Về phía chị cũng đã nhiều lần trao đổi với anh T để tìm giải pháp cải thiện cuộc sống gia đình được tốt hơn nhưng không có kết quả. Đến khoảng tháng 08 năm 2017, anh T bỏ về nhà cha mẹ anh T sống, từ đó vợ chồng chính thức ly thân cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm và nhận thấy không thể tiếp tục đời sống vợ chồng cùng anh T nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có một con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo T – sinh ngày 06/7/2014 hiện chị đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, vì chị có khả năng nuôi con. Hiện nay chị có phụ gia đình mở tiệm bán thuốc bảo vệ thực vật nông nghiệp thu nhập hàng tháng khoảng 08 (tám) triệu đồng và khoảng tiền lãi từ tiền gửi tiết kiệm của vợ chồng khoảng gần 2.000.000đồng/tháng nên đảm bảo điều kiện để nuôi con.

Về chia tài sản chung: Chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh T không có nợ chung.

Tại văn bản nêu ý kiến ngày 21/11/2017 và trong quá trình xét xử, bị đơn Nguyễn Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân*:* Anh thống nhất ý kiến trình bày của chị Nguyễn Ngọc H về thời gian chung sống, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Tuy nhiên về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn như chị H trình bày có phần đúng, phần không đúng. Anh thừa nhận quá trình chung sống do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường phát sinh nhiều mâu thuẫn. Do bản chất công việc nên anh thường đi giao tiếp với bạn bè, đồng nghiệp nên ít dành thời gian quan tâm chăm sóc vợ con, do không chấp nhận được việc này nên anh và chị H thường xảy ra cải vả, gây gổ nhau. Đến khoảng tháng 08 năm 2017 nhận thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc anh bỏ về nhà cha mẹ ruột anh sống, anh và chị H ly thân đến nay. Từ khi ly thân đến nay anh và chị H không liên lạc với nhau, do đó không hàn gắn được tình cảm. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng cũng không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Ngọc H.

Về con chung: Anh thống nhất vợ chồng có 01 con chung như chị H trình bày. Khi ly hôn anh yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi trưởng thành vì anh cho rằng gia đình chị H kinh doanh thuốc trừ sâu nên không đảm bảo về mặt sức khỏe cho con chung và anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con vì anh có khả năng nuôi con. Hiện tại anh đang công tác tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng quận C thu nhập từ nguồn lương khoảng 72 (bảy mươi hai)

triệu đồng/năm, ngoài ra anh còn có cho người khác thuê đất canh tác hàng năm thu khoảng 50 (năm mươi) triệu đồng nên đảm bảo các điều kiện để nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh thống nhất ý kiến chị H trình bày, không ý kiến gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo hợp lệ đến các đương sự về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để động viên các đương sự bỏ qua mâu thuẫn, trở về đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến không đồng ý thỏa thuận nên vụ án được đưa ra xét xử công khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc H và anh Nguyễn Ngọc T tự nguyện tiến tới hôn nhân vào tháng 08 năm 2013 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong công việc nên thường xảy ra cải vả, gây gổ nhau và anh, chị đã sống ly thân từ khoảng tháng 08 năm 2017 đến nay, không có giải pháp hàn gắn. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa anh, chị đã đến mức trầm trọng, nếu tiếp tục cuộc hôn nhân cũng không đạt được hạnh phúc và nay chị H yêu cầu được ly hôn, về phía anh T cũng đồng ý. Do đó, cần công nhận cho chị H và anh T được T tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị H và anh T chung sống có một người con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo T – sinh ngày 06/7/2014. Khi ly hôn cả hai anh chị đều có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Xét yêu cầu nuôi con của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con. Khi ly hôn anh T yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung, tuy nhiên trong thời gian chung sống anh lại không thể hiện tốt trách nhiệm của một người cha trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, cho đến khoảng thời gian vợ chồng ly thân anh cũng không đến thăm nom và phụ giúp chi phí nuôi con cho chị H. Mặt khác, từ khi cháu T được sinh ra cho đến nay đều do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về điều kiện kinh tế hiện tại chị H đang phụ giúp gia đình kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật tại nhà, vừa có thời gian chăm sóc con, lại vừa có thu nhập ổn định. Về phía anh T hiện tại đang cư trú ở huyện E nhưng anh lại đang công tác tại địa bàn quận C, nên xét về điều kiện trông nom, chăm sóc con không được thuận lợi như chị H. Đối với việc anh T cho rằng do gia đình chị H kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật nên nếu giao con cho chị H nuôi lâu dài sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe của con chung. Tuy nhiên, cho đến nay anh T cũng chưa cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh cháu T bị ảnh hưởng sức khỏe do ảnh

hưởng của thuốc bảo vệ thực vật nên suy đoán của anh T là chưa có căn cứ và hiện tại con chung của anh chị cũng còn rất nhỏ (41 tháng tuổi). Vì vậy, để ổn định tâm lý và đảm bảo tốt cho quyền lợi mọi mặt của con chung nghĩ nên tiếp tục giao cháu T cho chị H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ, không phân biệt người trực tiếp nuôi con có khả năng kinh tế hay không, người không trực tiếp nuôi con vẫn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị H cho rằng chị có khả năng nuôi con nên không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Tòa án đã giải thích chị H biết việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là quyền lợi của con, nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con nhưng chị H vẫn không yêu cầu cấp dưỡng. Xét việc chị H không yêu cầu cấp dưỡng là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[6] Về chia tài sản chung: Chị H và anh T xác định tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử công nhận.

[7[Về nợ chung: Chị H và anh T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị H phải nộp theo quy định pháp luật.

[9] Vì các lẽ trên, Hội đồng xét xử;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26, Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* ***Tuyên án:***

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Ngọc H và anh Nguyễn Ngọc T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc Bảo T – sinh ngày 06/7/2014 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho anh T không ai được quyền ngăn cản. Các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con vì lợi ích của con.

3. Về chia tài sản chung: Chị H và anh T tự thỏa thuận.

4. Về nợ chung: Không.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng chị H đã

nộp theo Biên lai số AA/2013/002499 ngày 30/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Các Đương sự;
- VKSND quận C;
- Phòng GĐKT-TANDTP Cần Thơ;
- Cơ quan Thi hành án;
- Lưu hồ sơ .

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Huỳnh Thị Mộng Tuyền